TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 05 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà :Dương Kim Dung.

2. Ông : Mạch Nửu Bửu .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 21/3/1989. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng *(vắng mặt, có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Anh PARK SEHUN, sinh ngày 15/02/1973. Địa chỉ: B, Chilseongdong-2ga, B, D, R, K (Hàn Quốc) *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022; đơn yêu cầu vắng mặt đề ngày 23/12/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Vào ngày 13/01/2012, chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Park S kết hôn với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh S. Quá trình chung sống chúng chị M và anh Park S có một đứa con chung tên Nguyễn Ái M1, sinh ngày 06/8/2012. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, dần dần thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm và bất đồng ngôn ngữ với nhau nên vào ngày 17/5/2013 anh Park S đã bỏ về Hàn Quốc cho đến nay và không có liên lạc gì với nhau. Do thời gian chung sống với nhau không bao lâu nên vợ chồng không có tạo lập tài sản chung. Nay nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với anh Park S là không đạt được, giữa hai người đã không còn tình cảm và không có điều kiện để đoàn tụ gia đình, nên quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu ly hôn với anh Park S.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ái M1, sinh ngày 06/8/2012, không yêu cầu anh Park S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu n giải quyết.

- Về trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay do chị bận làm công nhân ở xa, xin nghỉ gặp khó khăn nên chị không có điều kiện tham gia tố tụng được, chị yêu cầu Tòa án cho chị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đối với anh Park S đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có ấn định ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ấn định ngày đưa vụ án ra xét xử nhưng đến nay anh Park S không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Park S; chị và anh Park S có một con chung và yêu cầu được trưc tiếp nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Bị đơn anh Park S là người có quốc tịch Hàn Quốc, hiện nay đang sinh sống ở Hàn Quốc có địa chỉ 269, Chilseongdong-2ga, B, D, R, K (Hàn Quốc). Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 30/TB-TLVA ngày 23/6/2022 và thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thời gian mở phiên tòa cho anh Park S để thông báo cho anh Park S biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm M. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 2707/BTP -PLQT ngày 19/9/2022 thông báo cho Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã chuyển yêu cầu ủy thác nói trên cho Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện việc ủy thác tư pháp và ngày 17/2/2023 Bộ tư pháp có công văn số 250/BTP-PLQT thông báo cho Tòa án kết quả ủy thác tư pháp là đã thực hiện việc ủy thác tư pháp pháp yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và kèm theo

hồ sơ đã thực hiện ủy thác tư pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Park S.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Park S là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Park S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh Park S chung sống với nhau tại Việt Nam cùng chị M, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ngôn ngữ, ngày 17/5/2013 thì anh Park S đã về Hàn Quốc và vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Từ cơ sở trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng của bà chị M và anh Park S không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm M xin được ly hôn với anh Park S là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh Park S có một con chung là cháu Nguyễn Ái M1, sinh ngày 06/8/2012. Xét thấy, từ khi anh Park S về Hàn Quốc sinh sống thì không còn quay lại Việt Nam cháu Nguyễn Ái M1 sống cùng mẹ tại Việt Nam và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ, sau khi nhận được thông báo của Tòa án anh Park S cũng không có ý kiến gì về việc chị M1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Từ căn cứ này cho thấy yêu cầu của chị M1 được trực tiếp nuôi con là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ái M1, sinh ngày 06/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Diễm M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Park S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị M có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh Park S nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Diễm M được ly hôn với anh Park S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ái M1, sinh ngày 06/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Diễm M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Park S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

- Vế cấp dưỡng nuôi con: Anh Park S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị Diễm M không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu 0002433, ngày 22/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị Diễm M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0060356 ngày 11/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị Diễm M đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M cư trú tại Việt Nam và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn anh Park S cư trú tại nước ngoài và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA - Tổ HCTP (02).